BÀI ÔN TỔNG HỢP SỐ 2

Phần 1: Nối cột từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để được những cặp từ có nghĩa giống nhau:

A	B
Nuông chiều	Buồn bã
Buồn rầu	Chiều chuộng
Cần cù	Thành thật
Trung thực	Hoạt bát
Lanh lợi	Mũm mĩm
Mập mạp	Chịu khó

Phần 2: Trắc nghiệm

Câu 1. Trong các từ sau, từ nào sai chính tả?

A. vắt vẻo **B**. sức khẻo **C**. cà kheo **D.** ngoằn ngoèo

Câu 2. Nghĩa của từ "um tùm" là gì?

A. rậm rạp **B**. thưa thớt **C**. còi cọc **D**. xanh mướt

Câu 3. Trong các từ sau, từ nào sai chính tả?

A. xứ nghệ **B**. lọ xứ **C**. sỏi đá **D**. lọ sứ

Câu 4. Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

A. sắt **B**. đồng **C**. thép **D**. đất

Câu 5. Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

A. ong vàng **B**. ong vò vẽ **C**. sữa ong **D**. ong mật

Câu 6. Trong các từ sau, từ nào khác nghĩa với các từ còn lại ?

A. đồng bào **B**. đồng đội

C. đồng chí **D**. đồng thau

LIVEWORKSHEETS

Câu 7. Trong câu thơ: Mặt trời xuống biển như hòn lửa. Mặt trời được so sánh với sự vật nào?

A. hòn than **B**. mặt biển

C. xuống **D**. hòn lửa

Câu 8. Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

A. sách **B**. bút máy **C**. máy cày **D**. vở

Câu 9. Trong các chữ sau, chữ nào có tên chữ là "tê e-rờ"?

A. tr **B**. r **C**. x **D**. s

Câu 10. Trong câu ca dao:

Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

- "lòng ta" được so sánh với sự vật nào?

A. ai **B**. nói ngả

C. nói nghiêng **D**. kiềng ba chân

Câu 11: Số 9999 là số liền trước của số:

A. 9998 B. 10000 C. 10001

Câu 12: Giá trị của biểu thức 5000 - 2000 + 1500 là:

A. 3500 B. 4500 C. 6500

Câu 13: Hình vuông có cạnh 6cm. Chu vi hình vuông là:

A. 12cm B. 24cm C. 36cm

Câu 14: 2500 + ? = 6000, số thích hợp điền vào dấu "?" là:

A. 3500 B. 8500 C. 4500

LIVEWORKSHEETS

Câu 15: Hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng 5cm. Diện tích hình chữ nhật là:

A. 17 cm^2 B. 34 cm^2 C. 60 cm^2

Câu 16: 7 gấp lên 4 lần được:

A. 11 B. 21 C. 28

Câu 17: Đọc số:

a) 53 045

b) 87 817

Câu 18: Đặt tính rồi tính:

a) 4321 + 3567

b) 7654 – 2345

c) 2312 x 3

d) 9633 : 3

Câu 19:

a) 13839 + ? = 52678. Số thích hợp điền vào dấu? là:

b) ? - 5678 = 1524. Số thích hợp điền vào dấu? là:

LIVEWORKSHEETS

Câu 20: Một hình chữ nhật có diện tích $56cm^2$, chiều rộng 7cm. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

- Chiều dài của hình chữ nhật là:
- Chu vi của hình chữ nhật là:

Câu 21: Một tổ có 36 học sinh, số học sinh nam gấp đôi số học sinh nữ. Hỏi tổ có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

- Số học sinh nam của tổ là:
- Số học sinh nữ của tổ là:

LIVEWORKSHEETS